TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẾN CẦU
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 46/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 30-8-2024
V/v tranh chấp "Ly hôn và con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN CẦU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vui.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Thanh Hùng;

2. Ông Lê Thanh Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trang Hoàng Mỹ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Tuyết Trinh - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 60/2024/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2024 về việc "Tranh chấp ly hôn và con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2024/QĐXXST-HN ngày 09 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 25/2024/QĐXXST-HN ngày 26 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị H, sinh năm: 1992. Địa chỉ: Tổ A, ấp V, xã L, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

- *Bị đơn:* Anh Trần Văn T, sinh năm 1992. Địa chỉ: Ấp T, xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh.

Tất cả vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày*: Chị và anh Trần Văn T tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện N, tỉnh Đồng Nai. Vợ chồng chung sống có 01 con chung tên Trần Thanh N, sinh ngày 06/10/2013, hiện chị đang nuôi dưỡng.

Thời gian đầu, vợ chồng chung sống rất hạnh phúc, nhưng từ khi chị sinh con thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan

điểm sống, hơn nữa anh T quen biết với người phụ nữ khác, không ai quan tâm chăm sóc đến ai từ đó cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, chị bỏ về nhà mẹ ruột ở và anh chị sống ly thân từ năm 2014 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân, anh chị không gặp nhau bàn bạc việc hàn gắn gia đình. Chị nhận thấy tình cảm vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Do bận công việc nên chị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn anh Trần Văn T trình bày*: Mặc dù đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh T vẫn vắng mặt nên không có lời trình bày.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn không thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56, 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị H đối với anh Trần Văn T; Con chung, giao cho chị H được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trần Thanh N, sinh ngày 06/10/2013, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị H không yêu cầu; Tài sản, chị H không yêu cầu nên không xem xét giải quyết; Nợ chung, chị H khai không có nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị H phải chịu án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và anh Trần Văn T đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt là phù hợp với Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Trần Văn T kết hôn trên cơ sở hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn nên được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

[3] Xét tình trạng hôn nhân của anh chị thì thấy rằng: Anh chị chung sống vào năm 2013, trong thời gian sống chung anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống; trong thời gian sống ly thân chị H và anh T không ai quan tâm chăm sóc đến ai và trong quá trình giải quyết vụ án anh T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt chứng tỏ anh T không có thiện chí đoàn tụ. Do đó, có đủ căn cứ cho rằng mâu thuẫn giữa chị H và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Chị H yêu cầu được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trần Thanh N, sinh ngày 06/10/2013, anh T không có ý kiến. Xét thấy, cháu N nguyện vọng sống với chị H và trong thời gian anh chị sống ly thân cháu N được chị H nuôi dưỡng chăm sóc tốt nên Hội đồng xét xử cần giao cháu N cho chị H được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp theo quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình. Riêng việc cấp dưỡng nuôi con chị H không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Chị H không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[6] Về nợ chung: Chị H khai không có nên không xem xét giải quyết.

[7] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí: Chị H phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị H với anh Trần Văn T. Chị H được ly hôn với anh T.

2. Về con chung: Giao cho chị H được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trần Thanh N, sinh ngày 06/10/2013. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị H không yêu cầu.

Anh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị H không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị H khai không có nên không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm hôn nhân gia đình. Khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0012191 ngày 25-4-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Cầu. Ghi nhận chị H đã nộp đủ tiền án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh theo trình tự phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Phòng KTNV&THA. TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Bến Cầu;
- Chi cục THADS huyện Bến Cầu;
- UBND xã Long Tân, huyện Nhơn Trạch, T. Đồng Nai (Số 85/2013);
- Các đương sự;
- Lưu.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Vui